

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2026

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Nghi, Bà Đoàn Thị Chuyền

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1990

Số CCCD: 030190003078.

Nơi cư trú: Xóm 5, thôn T, xã N, Thành phố P.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Huy L, sinh năm 1983

Số CCCD: 030083003458.

Nơi thường trú: Xóm 5, thôn T, xã N, Thành phố P.

(Chị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc với Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã H (nay là xã N, thành phố P) ngày 30 tháng 8 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhà với mẹ chồng chị. Chị đi làm công ty gần nhà, anh L làm lái xe. Vợ chồng chung sống được hơn 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân là chị biết anh L có tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà sinh sự đánh chửi chị. Chị đã khuyên giải, góp ý nhưng anh L không thay đổi. Năm 2023, chị đã bỏ về nhà mẹ

để ở được 4 tháng thì anh L và gia đình nhà chồng sang đón chị về. Chị quay về nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện. Tình trạng cãi cọ thường xuyên hơn, anh L vẫn tiếp tục đánh chị, cuộc sống không hòa thuận từ những việc nhỏ nhất thường ngày mà sinh ra đánh cãi nhau, chị góp ý khuyên ngăn thì anh bảo “mày ở được thì ở, không ở được thì đi”. Lúc đầu chị vẫn cố chịu đựng, nhưng anh L thường xuyên đánh chị, đặc biệt là sau khi anh L bị mắc chứng suy giảm trí nhớ thì anh đánh chị càng nhiều, thường xuyên cáu gắt xúc phạm chị. Mẹ chồng chị cũng đuổi chị đi, bảo “mày cút khỏi nhà tao, mày về đây làm khổ con tao”. Vì vậy chị không thể chung sống với anh L được nữa. Từ ngày chị bỏ hẳn đi, anh L không đến tìm chị lần nào, mẹ chồng cũng không bảo chị về vì trước đây bà đã đuổi chị đi. Vợ chồng sống ly thân nhau khoảng một năm nay, không quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Bùi Huy L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Huy A, sinh ngày 01/12/2012 và Bùi Bảo G, sinh ngày 28/8/2015. Hiện hai con đang ở cùng nhà với anh L. Chị xin được nuôi con gái là cháu Bùi Bảo G để anh L nuôi con trai là cháu Bùi Huy A, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay chị làm công ty gần nhà, thu nhập từ 08 đến 09 triệu đồng/tháng. Mẹ đẻ chị còn khỏe, ở nhà cơm nước, trồng rau có nhiều thời gian hỗ trợ chị chăm sóc con. Nhà cửa đầy đủ, rộng rãi, chỉ có hai mẹ con chị ở, các chị gái của chị đã lập gia đình và có nơi ở riêng. Vì vậy điều kiện sống và sinh hoạt của mẹ con chị sẽ được đảm bảo tốt. Chị được biết hiện nay anh L ở nhà đi phụ xây, tính tình anh L rất thất thường. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu gái là cháu G để chị có nhiều thời gian được gần gũi, chia sẻ, quan tâm với con nhiều hơn. Trường hợp anh L xin nuôi cả hai con thì chị không đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình làm việc với Toà án, bị đơn anh Bùi Huy L trình bày:***

Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình anh, khoảng mấy năm gần đây vợ chồng xảy ra trục trặc không hòa hợp nhau, anh và chị B không có mâu thuẫn gì nhưng anh cũng không đồng ý cho chị B quay về nhà anh nữa. Chị B tự ý bỏ đi từ tháng 7 năm 2025 đến nay, không hỏi han gì đến các con. Một mình anh nuôi con, chị B không quan tâm. Nay chị B xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn, anh không đồng ý cho chị B quay về nhà anh nữa do chị B đã bỏ đi nhiều lần rồi.

Vợ chồng anh có hai con chung là Bùi Huy A, sinh ngày 01/12/2012 và Bùi Bảo G, sinh ngày 28/8/2015. Hiện hai con đang ở cùng nhà với anh. Ly hôn, anh xin nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con cho anh theo quy định pháp luật, anh không đưa ra yêu cầu mức cấp dưỡng cụ

thể là bao nhiêu. Do công việc của anh bận nên anh đề nghị Toà án cứ giải quyết vì anh không đến được.

*** Bà Đào Thị Thắm là mẹ đẻ của anh L trình bày:** Chị B, anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2011. Sau khi kết hôn, chị B về chung sống cùng nhà vợ chồng bà. Thời gian gần đây anh L bị ốm nên chị B ruồng bỏ, không kiên trì chữa bệnh cho chồng, chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2025 đến nay không có trách nhiệm gì với chồng con. Nay chị B xin ly hôn anh L thì kê cho chị B giải quyết, còn anh L giờ vẫn ốm đau và phải lo cho các con. Anh L, chị B có hai con chung hiện đang ở với bà và anh L. Chị B và anh L ly hôn, bà đề nghị Toà án để cho gia đình bà được nuôi cả hai cháu.

*** Bà Đào Thị Ngoan là mẹ đẻ của chị B trình bày:** Sau khi kết hôn, chị B về chung sống tại gia đình chồng ở thôn T, xã H. Bà được biết quá trình chung sống, anh chị ấy xảy ra nhiều mâu thuẫn, không được vui vẻ hạnh phúc. Nguyên nhân là do chị B phát hiện việc anh L có qua lại với người phụ nữ khác, về nhà mắng chửi đánh vợ, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, tình cảm lạnh nhạt không hạnh phúc. Năm 2023 chị B đã bỏ về nhà bà ở được khoảng 4 tháng thì anh L đến đón về, nhưng vợ chồng vẫn cãi nhau thường xuyên. Sau đó chị B về có nói chuyện với bà là bị anh L đánh, bị nhà chồng đuổi. Nên chị B đã về nhà bà ở được hơn 1 năm nay, anh L không đến tìm vợ về, không quan tâm liên lạc gì nữa. Nay chị B xin ly hôn anh L, bà đề nghị Toà án xem xét theo nguyện vọng của chị B, đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Chị B, anh L có hai con chung là cháu Bùi Huy A, sinh ngày 01/12/2012 và Bùi Bảo G, sinh ngày 28/8/2015. Hai con đang ở cùng với bố và bà nội. Bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị B được nuôi một con. Hiện nay chị B ở cùng nhà với bà, chỉ có hai mẹ con, các chị gái của chị B đã có gia đình riêng. Bà ở nhà làm nội trợ nên có nhiều thời gian hỗ trợ con trong việc sinh hoạt, cơm nước hàng ngày. Nếu chị B được nuôi con, bà sẵn sàng hỗ trợ tạo mọi điều kiện về mọi mặt để chăm sóc con cháu trong sinh hoạt, học tập. Hiện nay chị B làm công ty gần nhà, thu nhập hàng tháng được khoảng gần 10 triệu đồng, bản thân bà cũng có lương hưu nên gia đình có đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo cuộc sống và học tập tốt cho cháu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến:** Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xử:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 232, 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị B, xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Bùi Huy L.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: cháu Bùi Bảo G đến khi đủ 18 tuổi. Giao cho anh Bùi Huy L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: cháu Bùi Huy A đến khi đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Buộc chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 - P).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn với anh Bùi Huy L, đăng ký thường trú tại thôn T, xã N, thành phố P. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Bùi Huy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố P) ngày 30/8/2011, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị B, anh L và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Quá trình chung sống, hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, chị B đã từng bỏ về nhà mẹ đẻ rồi lại quay về đoàn tụ nhưng mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện tích cực. Anh chị đã chính thức sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không có biện pháp hàn gắn. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị B xin ly hôn, anh L đồng ý. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tan vỡ và tình nghĩa vợ chồng không còn, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không chia sẻ, không kết nối. Với thực

trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị B được ly hôn anh L là phù hợp quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Huy A, sinh ngày 01/12/2012 và Bùi Bảo G, sinh ngày 28/8/2015. Hiện hai con ở cùng anh L. Chị B xin được nuôi cháu G, anh L xin nuôi cả hai con và yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi hai con cho anh theo quy định pháp luật. Toà án đã lấy lời khai của hai cháu tại gia đình anh L, hai cháu đều trình bày xin ở với bố. Toà án đã xác minh tại Trường tiểu học H và lấy lời khai của cháu G tại trường, cháu G trình bày ý kiến là nếu bố mẹ ly hôn thì cháu ở với bố cũng được, ở với mẹ cũng được. Thời gian vợ chồng sống ly thân, chị B vẫn đóng tiền học cho con. Xét thấy chị B đang làm công nhân lương tháng khoảng 8- 10 triệu đồng, còn anh L ở với mẹ làm lao động tự do và bản thân đang bị đau ốm. Pháp luật quy định cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xem xét nguyện vọng của hai con và khả năng điều kiện kinh tế, hoàn cảnh của hai vợ chồng thì cần giao mỗi người nuôi một con là phù hợp. Cháu G là con gái đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý cần có sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi của mẹ. Vì vậy, HĐXX giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Bảo G, giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Huy A đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là đảm bảo sự công bằng và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không phải giải quyết.

[3] Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn anh Bùi Huy L.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Bảo G - sinh ngày 28/8/2015 đến khi con

chung đủ 18 tuổi; Giao cho anh Bùi Huy L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Huy A - sinh ngày 01/12/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị B, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0003272 ngày 08/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Phạm Thị B đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 13- P;
- THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã N (Giấy CNKH số 43 do UBND xã H cấp ngày 30/8/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn